

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-12-2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:

- + Ông Danh Văn Hoàng
- + Ông Dương Thanh Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 131/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

- Những người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1984.
2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1992.
Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An.
3. Ông Phan Thanh P, sinh năm 1975.
4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980.
5. Ông Ngô V, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt, những người làm chứng xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 31 tháng 10 năm 2022 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Kim T trình bày:

Sau thời gian quen biết, bà và ông Nguyễn Văn N quyết định tiến đến hôn nhân vào năm 2006, có tổ chức đám cưới, ngày 19/4/2006 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An. Sau khi cưới ông bà sinh sống tại ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An. Từ lúc mới về sống chung bà đã cảm thấy không hạnh phúc nhưng vì con bà đã cố gắng chịu đựng, đến thời gian gần đây thì bà không chịu đựng được nữa nguyên nhân là do chồng và gia đình bên chồng không tôn trọng bà, ông Ngon có tính gia trưởng, đánh bà và bất đồng quan điểm sống nên đến tháng 8/2022 bà về nhà cha mẹ ruột ở ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Long An sinh sống cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài được nữa nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Giữa bà và ông Nguyễn Văn N có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng A (nam) sinh ngày 12/4/2006, Nguyễn Hoàng T (nam) sinh ngày 30/7/2009 và Nguyễn Thị K (nữ) sinh ngày 19/10/2019. Bà yêu cầu được nuôi 03 con chung và yêu cầu ông N cấp dưỡng mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Giữa bà và ông N có tài sản nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà và ông N không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Võ Thị Kim T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi 02 con chung là Nguyễn Hoàng T và Nguyễn Thị K, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở theo từng thời điểm từ tháng 01/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi và đồng ý để Nguyễn Hoàng A cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà Võ Thị Kim T về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, con chung, còn mâu thuẫn chỉ đúng một phần và không có gì lớn, ông không đánh vợ, ông chỉ thấy vợ ông có mâu thuẫn với em chồng và bà T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 8/2022 đến nay, ông có năn nỉ và rước vợ về sống chung nhưng vợ không đồng ý. Nay vợ xin ly hôn, ông không đồng ý vì ông còn thương vợ, mong muốn về đoàn tụ.

Tại phiên tòa, ông không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Hoàng T và Nguyễn Thị K. Nếu Tòa án giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng

thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở theo từng thời điểm.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Tất cả đều tuân theo pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét về hôn nhân: Bà Võ Thị Kim T và ông Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/4/2006, đây là hôn nhân hợp pháp nên đề nghị giải quyết theo Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy, kể từ khi thụ lý giải quyết đơn ly hôn của bà Thi đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho ông N và bà T hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, bà T vẫn kiên quyết ly hôn, ông N chưa có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hơn nữa giữa bà T và ông N cũng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 đến nay. Do đó, căn cứ Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Xét thấy con chung tên Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Hoàng T đã trên 7 tuổi. Do đó, căn cứ theo nguyện vọng của cháu A thì muốn sống với ông N nên đề nghị giao cháu A cho ông N nuôi dưỡng; cháu T có nguyện vọng sống với bà T nên đề nghị giao cháu T cho bà T nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Thị K còn nhỏ, tuy nhiên cháu đã sống với bà T từ đó đến nay nên để đảm bảo cho cháu có cuộc sống ổn định đề nghị giao cháu K cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trước yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T, ông N đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ông N và bà T. Do ông N không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con đối với con chung tên Nguyễn Hoàng A nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại

khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn N có nơi cư trú tại ấp C, xã T, huyện V, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của những người làm chứng: Những người làm chứng xin vắng mặt nên căn cứ Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[3] Về hôn nhân: Giữa bà Võ Thị Kim T và ông Nguyễn Văn N xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An nên đây là hôn nhân hợp pháp, áp dụng luật Hôn nhân và gia đình để xem xét giải quyết.

[4] Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải hai lần để tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn tình cảm với nhau nhưng bà Võ Thị Kim T cương quyết ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, ông Nguyễn Văn N không đồng ý ly hôn nhưng không có cách nào hàn gắn quan hệ vợ chồng. Những người làm chứng cho rằng không thấy vợ chồng bà T, ông N có mâu thuẫn gì nhưng hiện tại bà T và ông N mỗi người sống một nơi. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Võ Thị Kim T và ông Nguyễn Văn N là có thật và thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Kim T, chấp nhận lời đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về con chung: Bà Võ Thị Kim T và ông Nguyễn Văn N có 03 con chung là cháu Nguyễn Hoàng A (nam) sinh ngày 12/4/2006, Nguyễn Hoàng T (nam) sinh ngày 30/7/2009 và Nguyễn Thị Kim T (nữ) sinh ngày 19/10/2019. Tại bản tự khai cháu A có nguyện vọng sống với cha, cháu T có nguyện vọng sống với mẹ, cháu K hiện đang sống với bà T nên cần giao cháu A cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T và cháu K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu K mỗi cháu mỗi tháng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở theo từng thời điểm, ông N cũng đồng ý nên ghi nhận sự thỏa thuận này.

[7] Về tài sản: Bà Võ Thị Kim T và ông Nguyễn Văn N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[8] Về nợ: Bà Võ Thị Kim T và ông Nguyễn Văn N cho rằng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[9] Về án phí: Bà Võ Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình. Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim T về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng A (nam) sinh ngày 12/4/2006 cho ông Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao con chung tên Nguyễn Hoàng T (nam) sinh ngày 30/7/2009 và Nguyễn Thị Kim T (nữ) sinh ngày 19/10/2019 cho bà Võ Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung T và T mỗi cháu mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở theo từng thời điểm từ tháng 01/2023 đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian cấp dưỡng với mức lãi suất được quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Buộc bà Võ Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0003802 ngày 04/11/2022 sang tiền án phí.

Buộc ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con sung ngân sách Nhà nước.

Báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- UBND xã Tuyên Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị The